TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Hạ Long, ngày 28 tháng 4 năm 2022

Signature Not Verified
Ký bởi: LƯU ANH ĐỨC
Ký ngày: 28/4/2022 16:01:07

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

STT	Tên tài liệu	Trang
1	Chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	3 - 4
2	Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	5 - 9
3	Báo cáo kết quả SXKD năm 2021; Mục tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2022	10 - 18
4	Báo cáo chi trả thù lao, phụ cấp, tiền lương HĐQT, BKS, BGĐ năm 2021; đề xuất thù lao, phụ cấp, tiền lương HĐQT, BKS, BGĐ năm 2022	19 - 20
5	Báo cáo Tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2021	21 - 24
6	Tờ trình về phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2021	25
7	Tờ trình thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan	26 - 27
8	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022	28 - 33
9	Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả SXKD và thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2021	34 - 36
10	Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2021	37 - 40
11	Tờ trình về lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022	41
12	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022	42 - 46

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

STT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1	07h30-08h00	Kiểm tra tư cách cổ đông, phát thẻ biểu quyết, tài liệu cổ đông.	Ban kiểm tra tư cách: **Lưu Anh Đức…**
2	08h00-08h10	Ổn định tổ chức, chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, mời chủ toạ lên điều hành Đại hội.	Trưởng phòng TCLĐ: **Trương Văn Khoa**
3	08h10-08h15	Cử thư ký và tổ giúp việc Đại hội.	Chủ tịch HĐQT: **Phạm Công Hương**
4	08h15-08h20	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.	Trưởng ban: **Nguyễn Tiến Nhương**
5	08h20-08h30	Trình bày Quy chế và Chương trình làm việc của Đại hội.	UV HĐQT: **Trần Quốc Tuấn**
		Biểu quyết thông qua.	Chủ tịch HĐQT: **Phạm Công Hương**
6	08h30-10h00	(1) Báo cáo kết quả SXKD năm 2021; mục tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2022; (2) Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2021; đề xuất tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2022.	UV HĐQT – Giám đốc Công ty: **Ngô Thế Phiệt**
		(1) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021; (2) Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021; (3) Tờ trình thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.	UV HĐQT: **Trương Thúy Mai**
		Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng năm 2022;	UV HĐQT: **Đặng Văn Ngong**

STT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
		(1) Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2021; (2) Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2021; (3) Tờ trình lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022.	Trưởng Ban Kiểm soát **Vũ Thị Dung**
7	10h00-10h15	Nghỉ giải lao.	
8	10h15-10h45	Đại hội thảo luận các báo cáo, tờ trình do Giám đốc Công ty, các UV HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty trình bày ở mục 6.	Các cổ đông
		Biểu quyết thông qua.	Chủ tịch HĐQT: **Phạm Công Hương**
9	10h45-11h00	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội: **Huỳnh Hữu Nam**
		Biểu quyết thông qua	Chủ tịch HĐQT: **Phạm Công Hương**
10	11h00-11h05	Bế mạc Đại hội.	Chủ tịch HĐQT: **Phạm Công Hương**

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO VINACOMIN

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO – VINACOMIN

Số: 2180 /QC-VNBC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO – VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021; Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 25/04/2022, Hội đồng Quản trị Công ty dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 bao gồm các nội dung sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm đăng ký cuối cùng ngày 25/03/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy CMND hoặc thẻ căn cước…, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Trang phục lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước ...., Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

4.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và các thành viên HĐQT Công ty.

4.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

4.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

4.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

4.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III
THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tiến hành Đại hội

5.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

5.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

6.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết.

6.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 7. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến. Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội để xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 8. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

8.1. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

8.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

8.3.Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội

Trừ các nội dung ghi tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

Điều 10. Biên bản Đại hội

10.1. Nội dung diễn biến Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

10.2. Biên bản Đại hội được Đại hội thông qua trước khi bế mạc và được công bố thông tin, gửi đến các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

10.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 12. Hiệu lực thi hành của Quy chế

12.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười hai (12) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

12.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO-VNACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2781/BC-VNBC

Hạ Long, ngày tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả SXKD năm 2021; Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 như sau:

PHẦN I:
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021, nhu cầu tiêu thụ than trong nước tăng cao, là cơ hội thuận lợi để Tập đoàn và các Công ty sản xuất than nâng cao được sản lượng than tiêu thụ và hiệu quả SXKD. Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid 19 vẫn diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, hầu hết giá vật tư đầu vào tăng cao so với thời điểm cuối năm 2020, nên Công ty gặp khó khăn trong việc cân đối tài chính, chuẩn bị vật tư phục vụ sản xuất. Để đảm bảo hiệu quả SXKD, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp theo chỉ đạo điều hành của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả SXKD như: Ban hành kế hoạch SXKD tháng, quý, năm; mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp quản lý điều hành; giao khoán quản trị chi phí, chỉ tiêu công nghệ cho các đơn vị, phòng ban; tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa vào sản xuất; có cơ chế khen thưởng, động viên kịp thời cho người lao động, do đó Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đề ra.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10^3 m^3	1.200	580	716	60	123
-	Đất sản xuất	"	1.200	580	580	48	100
-	Đất đá xúc theo PA	"			137	-	-
2	Đào lò tổng số	Mét	12.800		13.314	104	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
-	Đào lò XDCB	"				-	-
-	Lò CBSX	"	12.800		13.314	104	-
3	Than NK sản xuất	10^3 Tấn	1.320	1.392	1.633	124	117
-	Than lộ thiên	"	220	292	292	133	100
-	Than hầm lò	"	1.100	1.100	1.149	104	104
-	Than thu hồi theo PA	"			192	-	-
4	Than sạch sàng tại mỏ	10^3 Tấn	1.473		1.675	114	-
-	Than sạch từ than NK	"	1.188		1.386	117	-
-	Than sạch từ SPNT	"	285		289	102	-
5	Than tiêu thụ	10^3 Tấn	1.473		1.703	116	-
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	561	749	661	117,8	88,2
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.288,2		2.679	117	-
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	25,425		49,24	194	-
9	Lao động định mức	Người	3.119		3.025	97	-
10	Tiền lương bình quân	10^3đ/ng.th	14.047		15.294	109	-
11	Cổ tức	%	3		6	200	-

Chi tiết đánh giá các hoạt động SXKD của Công ty đề nghị Quý vị cổ đông xem tại Báo cáo thường niên năm 2021 được công bố trên các phương tiện thông tin của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trang Web của Công ty.

PHẦN II:
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH SXKD NĂM 2022

I. MỤC TIÊU:

1. Kiểm soát tốt dịch bệnh Covid 19 để ổn định sản xuất kinh doanh.

2. Giảm thiểu tới mức thấp nhất các vụ tai nạn lao động và sự cố thiết bị.

3. Sản xuất theo định hướng của Tập đoàn; sử dụng tối đa nguồn lực về tài nguyên, vốn kinh doanh, thiết bị, lao động; đảm bảo an toàn mọi mặt, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh; tuân thủ pháp luật, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; tăng cường áp dụng công nghệ mới, đảm bảo tiến độ đầu tư để có thiết bị phục vụ sản xuất kịp thời; Phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch điều hành.

4. Quyết toán xong Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác than hầm lò.

5. Hoàn thiện Đề án đóng cửa mỏ lộ thiên.

II. NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đất đá đổ thải đảm bảo AT	10^3 m^3	800	
2	Đào lò CBSX	m	15.000	
3	Than NKSX hầm lò	10^3 Tấn	1.400	
4	Than sạch sàng tại mỏ	10^3 Tấn	1.545	
-	Than sạch từ than NK	"	1.260	
-	Than sạch từ SPNT	"	285	
5	Than tiêu thụ	10^3 Tấn	1.545	
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	291,51	
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.295	
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	28	
9	Lao động	Người	3.400	
10	Tiền lương bình quân	10^3đ/ng.th	14.873	
11	Cổ tức	%	≥ 3,0	

III. GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH SXKD

1. Kiểm soát tốt dịch bệnh Covid 19 để ổn định SXKD

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ; Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ; các văn bản chỉ đạo của Tỉnh Quảng Ninh, TKV và cơ quan y tế có thẩm quyền về các giải pháp đảm bảo an toàn trong phòng, chống dịch Covid-19.

2. Sản xuất..., chế biến, tiêu thụ than

2.1. Sản xuất than

- Bám sát sản xuất, hàng tháng, quý tổ chức xây dựng kế hoạch đào lò, sản xuất than hợp lý, không để thiết bị ngừng sản xuất do thiếu diện thi công; điều hành sản xuất theo phương án tăng sản lượng đã được Tập đoàn định hướng.

- Điều hành sản xuất hợp lý, bố trí đồng bộ thiết bị, phù hợp với mô hình sản xuất hiện nay của Công ty; chuẩn bị tốt điều kiện sản xuất để các thiết bị tham gia sản xuất ngay từ đầu ca; nghiên cứu, tiến tới thay đổi hình thức giao/nhận ca sản xuất nhằm tiết kiệm thời gian; phấn đấu tăng năng suất lao động so với định mức.

- Thường xuyên cập nhật, theo dõi kết quả thực hiện kế hoạch sản lượng để bố trí thời làm việc, nghỉ ngơi hợp lý, hạn chế bố trí thiết bị làm việc trong điều kiện thời tiết hoặc diện sản xuất không thuận lợi, làm giảm năng suất lao động, tăng chi phí sản xuất.

- Tập trung nghiên cứu, khảo sát kỹ điều kiện địa chất mỏ, qua đó ưu tiên lựa chọn khu vực có điều kiện phù hợp để áp dụng công nghệ cơ giới hóa đồng bộ khai thác đảm bảo hiệu quả.

- Chủ động đưa ra các biện pháp điều chỉnh phương án tổ chức sản xuất, tổ chức lao động hợp lý để thực hiện công tác đào lò đảm bảo tiến độ và đáp ứng yêu cầu duy trì ổn định sản lượng.

- Duy trì xe khoan, máy xúc kết hợp với vì neo đào chống các đường lò đá có tiết diện lớn, cơ giới hóa nhằm đẩy nhanh tiến độ.

2.2. Quản lý kỹ thuật

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ quản lý kỹ thuật và công nhân khai thác; có kế hoạch xây dựng các đội thợ và đào tạo chuyên sâu theo từng lĩnh vực công nghệ.

- Tăng cường công tác quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm hoàn thành và bảo vệ môi trường; Triển khai các giải pháp cụ thể bảo vệ than sản xuất tại mỏ, vận chuyển lưu kho và trong quá trình tiêu thụ.

- Không ngừng nâng cao năng lực, yêu cầu kỹ thuật trong công tác vận tải hầm lò.

2.3. Sàng tuyển chế biến, chuẩn bị chân hàng

- Huy động tối đa than nguyên khai tồn kho vào sàng tuyển, chế biến phục vụ nhu cầu tiêu thụ chung của Tập đoàn, tăng dòng tiền phục vụ SXKD.

- Xây dựng cụ thể phương án sàng tuyển chế biến than sạch từ than nguyên khai qua từng hệ thống thiết bị ra các chủng loại than theo kế hoạch đã cân đối từ đầu năm và kế hoạch điều hành hàng tháng, quý của Tập đoàn.

- Điều hành thuê ngoài chế biến than sạch từ đất đá lẫn than theo hướng dẫn của Tập đoàn tại Công văn số 5216/TKV-KH ngày 03/11/2021, quy định quản lý công tác thuê ngoài của Công ty và Hợp đồng đã ký kết với nhà cung cấp.

2.4. Tiêu thụ sản phẩm

a) Đối với than sạch: Tăng cường quan hệ, phối hợp với các Ban của Tập đoàn, Công ty TTHG, Kho vận và Cảng Cẩm Phả đẩy cao tiến độ tiêu thụ than ngay từ đầu năm; lập tiến độ giao than, kiểm điểm, rút kinh nghiệm hàng ngày, hàng ca; Tăng cường tiêu thụ than cám tốt, phấn đấu cả năm tăng tối thiểu 1,0% giá bán than sạch bình quân so với kế hoạch Tập đoàn giao.

b) Đối với bùn thải, sản phẩm ngoài than: Khi TKV có văn bản chỉ đạo, Công ty sẽ triển khai các thủ tục liên quan, ký hợp đồng bán cho khách hàng nhằm tận thu tối đa tài nguyên, giải phóng kho bãi, tăng doanh thu, dòng tiền phục vụ SXKD.

3. Nghiên cứu, Đầu tư phát triển

3.1. Áp dụng công nghệ mới, cơ giới hóa, tự động hóa

- Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa trong khai thác than hầm lò, để tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, giảm nguy cơ mất an toàn cho người lao động.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch và đầu tư đồng bộ các thiết bị, đồng thời đẩy nhanh tiến độ làm chủ các thiết bị, công nghệ phục vụ công tác đào lò; Thực hiện cơ giới hóa đào lò giải quyết bài toán tiến độ đào lò chuẩn bị sản xuất, giảm nhân công trong công đoạn sản xuất.

- Triển khai đầu tư thực hiện các hệ thống tự động hóa tập trung cần thiết theo Chương trình hành động số 188/Ctr-TKV ngày 22/9/2017 của Tập đoàn.

3.2. Tăng cường quản lý công tác đầu tư

- Thực hiện các dự án đầu tư duy trì sản xuất theo kế hoạch được Tập đoàn và Hội đồng Quản trị Công ty thông qua, đảm bảo tiến độ phục vụ sản xuất kịp thời.

- Tập trung chỉ đạo quyết toán hoàn thành dự án đầu tư khai thác than hầm lò.

3.3. Công tác thăm dò khảo sát: Chủ động thực hiện các đề án đã được TKV phê duyệt; tổ chức lựa chọn đơn vị thi công theo quy định của TKV.

3.4. Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật: Áp dụng có hiệu quả công tác cải tiến, sáng kiến kỹ thuật trong lao động sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4. Công tác Tổ chức - Lao động - Tiền lương

4.1. Công tác tổ chức, đào tạo

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại các khâu quản lý, phục vụ phụ trợ nhằm đổi mới cơ cấu lao động, tinh giảm biên chế quản lý, phục vụ phụ trợ; tổ chức lại một số phòng ban, đơn vị, phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty; chuẩn bị đủ về số lượng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kế hoạch sản xuất hầm lò.

- Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với việc áp dụng công nghệ thông tin theo hướng tập trung nâng cao giá trị gia tăng và kiểm soát chặt chẽ quá trình quản lý.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo lại cán bộ, công nhân sản xuất lộ thiên để phục vụ dự án khai thác hầm lò; các tổ chức, cá nhân phải tự giác tìm hiểu, học hỏi các mặt quản lý để nâng cao trình độ, đặc biệt là kiến thức quản trị khai thác than hầm lò.

- Tăng cường đào tạo, giáo dục ý thức, tác phong công nghiệp, lòng yêu nghề, gắn bó lâu dài với Công ty bằng kỷ luật lao động và đãi ngộ vật chất, tinh thần trên cơ sở phát huy truyền thống văn hóa của người thợ mỏ.

- Tuyển dụng lao động chất lượng cao để thực hiện các chương trình cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa và đổi mới; nâng cao chất lượng nhân sự làm công tác quản lý ở các phòng ban, đơn vị.

- Nghiên cứu xây dựng và đề xuất các đòn bẩy kinh tế, chế độ chính sách để thu hút, giữ chân lao động hầm lò; bố trí, tổ chức sản xuất hài hòa, hợp lý, tiếp tục thực hiện xã hội hóa các khâu phục vụ nhằm giảm sức ép về lao động.

4.2. Lao động, tiền lương

- Cân đối đủ việc làm cho người lao động; Tổ chức sản xuất, bố trí lao động làm việc, nghỉ ngơi hợp lý, thích ứng an toàn, linh hoạt với diễn biến dịch Covid-19 theo từng giai đoạn; Tích cực vận động, giáo dục người lao động thực hiện nghiêm túc quy trình, quy phạm, nội quy lao động của Công ty để hạn chế thấp nhất vi phạm kỷ luật.

- Hoàn thiện cơ chế tiền lương, tiền thưởng và các cơ chế khuyến khích hợp lý cho người lao động nhằm tạo động lực, tăng năng suất, giảm giá thành, theo đó cơ chế trả lương cho người lao động phải gắn với vị trí công tác, năng suất, chất lượng công việc, không phân phối tiền lương dàn trải.

4.3. Chăm lo đời sống người lao động

- Tiếp tục tăng cường kiểm tra, kiểm soát và quản lý chặt chẽ để nâng cao chất lượng bữa ăn ca cho người lao động; thực hiện nghiêm túc công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường; triệt để sử dụng nước lọc tinh khiết để phục vụ nấu ăn và nước uống tại các nhà ăn của Công ty.

- Người lao động đi làm được hưởng tiêu chuẩn ăn giữa ca đảm bảo đủ định lượng và chất lượng; thực hiện chế độ bồi dưỡng nguy hiểm độc hại bằng hiện vật (chủ yếu bằng sữa) cho người lao động; sử dụng một phần quỹ phúc lợi hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Hợp đồng với các Bệnh viện có uy tín để nâng cao chất lượng khám sức khoẻ định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, khám chuyên khoa cho phụ nữ; tổ chức tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho người lao động; giải quyết cho người lao động nghỉ điều dưỡng đảm bảo chất lượng theo chế độ; tổ chức cho CBCNV được đi thăm quan để học hỏi kinh nghiệm quản lý.

- Xây dựng và hoàn thiện nhà ăn kiểu mẫu, duy trì tốt công tác ăn tự chọn cho người lao động tại nhà ăn trung tâm và các khu vực hợp lý khác;

- Đẩy mạnh phong trào thi đua với nhiều nội dung phát động nhằm tăng năng suất lao động, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, chăm lo thiết bị..., tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao phục vụ đời sống tinh thần cho người lao động, chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của ngành và của Công ty.

5. Quản trị chi phí, quản trị nội bộ

5.1. Thực hiện kế hoạch PHKD:

Chủ động điều hành, kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu công nghệ, chi phí ngay từ đầu năm; khi phát sinh khối lượng công việc, yếu tố công nghệ bất lợi làm tăng chi phí, giảm hiệu quả kinh doanh, chủ động báo cáo Tập đoàn xem xét ghi nhận làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung chi phí trong kỳ điều chỉnh.

5.2. Quản trị nội bộ

- Tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí; khoán sản phẩm và chi phí cho các đơn vị sản xuất; hàng tháng/quý kiểm tra kết quả thực hiện khoán quản trị chi phí cho các đơn vị làm cơ sở bình xét thi đua và thanh toán tiền lương cho bộ phận quản lý.

- Tiếp tục giao khoán một số hạn mức chi phí như đã thực hiện năm 2021 và những năm trước đây để các đơn vị chủ động mua sắm phục vụ sản xuất. Trường hợp vượt quá hạn mức sẽ trừ vào tiền lương của người phụ trách đơn vị.

- Tăng cường quản lý dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính để giảm chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính; đảm bảo hệ số nợ phải không cao hơn kế hoạch TKV duyệt.

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty trong mọi lĩnh vực liên quan đến hoạt động SXKD nhằm chủ động, phòng ngừa kịp thời các sơ hở, thiếu sót, không để xảy ra sai phạm hoặc vi phạm pháp luật; gắn công tác kiểm tra giám sát với công tác hướng dẫn hỗ trợ các Công trường, Phân xưởng.

- Các Công trường, Phân xưởng chủ động xây dựng chương trình hành động, các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động; có kế hoạch tự kiểm tra giám sát, nâng cao trách nhiệm cho từng cá nhân quản lý.

6. Công tác Cơ điện - Vận tải

- Tập trung củng cố kỹ thuật thiết bị, đặc biệt là tình trạng an toàn thiết bị; chú trọng công tác kiểm tra kỹ thuật an toàn nhằm ngăn chặn tai nạn đáng tiếc xảy ra; chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật đảm bảo kỹ thuật thiết bị ổn định, giảm chi phí sản xuất.

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý kỹ thuật, vận hành, hồ sơ lý lịch máy móc thiết bị, không ngừng nghiên cứu các giải pháp tích cực nâng cao chất lượng kỹ thuật thiết bị hiện có, nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị; Niêm cất, thanh lý các thiết bị cũ không còn hiệu quả, quản lý tốt thiết bị mới được đầu tư; nâng cao chất lượng công tác tự sửa chữa thiết bị; tổ chức đánh giá hiệu quả thiết bị sau sửa chữa lớn.

- Tăng cường quản lý vật tư bằng hệ thống định mức và hạn mức chi phí vật liệu, theo đó: Trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành, tập trung các biện pháp quản lý định mức đảm bảo thiết bị hoạt động năng suất, hiệu quả so với Công ty giao khoán; thường xuyên theo dõi cập nhật việc thực hiện định mức của thiết bị để phân tích đánh giá và tìm biện pháp khắc phục hoặc điều chỉnh phù hợp với thực tế sản xuất; việc lập nhu cầu phải đi trước một bước, trên cơ sở đánh giá đúng tình trạng thiết bị.

- Triển khai thực hiện tốt chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, theo đó: Tổ chức sản xuất bố trí thiết bị hoạt động hợp lý đồng bộ nâng cao năng suất ca, bố trí các thiết bị bơm nước vận hành tối đa vào thời điểm giá thấp, giá trung bình, nâng cao hiệu suất bơm, khoán điện năng tiêu thụ cho khâu sàng tuyển, bơm nước, tăng cường kiểm tra giám sát việc sử dụng điện hợp lý, tiết kiệm, kiên quyết không để các biến áp non tải; sử dụng các thiết bị điều hòa, quạt đèn hợp lý, thực hiện kiểm tra hiệu chỉnh thiết bị điện, các thiết bị đóng cắt, bảo vệ đúng theo quy chuẩn Quốc gia.

- Tiếp tục đào tạo tại chỗ số cán bộ, công nhân có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc học tự động hoá, tin học hoá để bổ sung kịp thời cho các khâu

đang thiếu hụt, về lâu dài lựa chọn các kỹ sư có trình độ chuyên môn phù hợp cử đi đào tạo tại các trường Đại học lớn về chuyên ngành tự động hoá, tin học hoá để phục vụ Công ty. Tổ chức đoàn đi tham quan học tập kinh nghiệm tại các đơn vị trong Tập đoàn có công nghệ tương tự để trao đổi, nâng cao trình độ.

- Rà soát hiệu chỉnh hoặc xây dựng bổ sung các quy trình, quy định phục vụ trong công tác quản lý cơ điện vận tải phù hợp với quy định hiện hành.

7. Công tác quản lý vật tư

- Tiếp tục tổ chức thực hiện theo quy chế, quy định của Tập đoàn và Công ty đã ban hành; Triển khai lập các đơn hàng mua sắm theo tháng, quý; Tăng cường tìm kiếm khách hàng, tổ chức tối đa chào giá rộng rãi mua sắm vật tư trên Webside của Tập đoàn để tạo sự cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả.

- Nghiên cứu tăng cường sử dụng các vật tư, hàng hóa trong nước có thể thay thế các mặt hàng nhập khẩu từ nước ngoài (đặc biệt là các nước Châu Âu).

- Áp dụng bộ mã vật tư để quản lý theo chỉ đạo của Tập đoàn; Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư trước khi nhập kho; đơn vị trực tiếp sử dụng có trách nhiệm kiểm tra chất lượng, quy cách vật tư trước khi lĩnh ra khỏi kho, có quyền từ chối nếu vật tư không đảm bảo chất lượng, quy cách; đối với vật tư có yêu cầu bảo hành, thử nghiệm đơn vị sử dụng phải tổ chức theo dõi cập nhật vào sổ rõ ràng làm cơ sở đánh giá chính xác chất lượng vật tư sử dụng.

- Điều hành hạn mức tồn kho vật tư cả năm không vượt mức Tập đoàn giao.

- Thu hồi tối đa vật tư đã qua sử dụng; Tổ chức phân loại, sàng lọc thu hồi các vật tư có thể tái sử dụng để sử dụng ngay hoặc mang gia công chế tạo phục vụ sản xuất, tránh lãng phí các nguồn lực có thể huy động tại chỗ.

8. Công tác an toàn - An ninh trật tự

8.1. Công tác an toàn: Thông báo công khai định kỳ hoặc đột xuất nhận dạng nguy cơ mất an toàn trong sản xuất để người lao động phòng tránh; Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình, quy phạm tại các khâu sản xuất; Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm an toàn; Duy trì huấn luyện an toàn cho CBCN theo quy định; Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động mạng lưới AT-VSV; tuyên truyền, giáo dục người lao động thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, quy phạm an toàn; triển khai thực hiện tốt kế hoạch an toàn VSLĐ, phòng chống cháy nổ; đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình sản xuất.

8.2. Công tác an ninh trật tự: Tăng cường quản lý an ninh trật tự thông qua camera theo dõi tại khai trường, trạm bảo vệ, kho vật tư và kho than chống thất thoát tài sản; tăng cường an ninh trật tự; kiểm tra rà soát ranh giới mỏ; kiên quyết bảo vệ tài nguyên, không để xảy ra tình trạng khai thác, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ than trái phép trong ranh giới quản lý; thực hiện nghiêm kỷ luật về bảo vệ tiêu thụ than; phối hợp tốt với Chính quyền địa phương thực hiện tốt các phương án bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản, tài nguyên.

9. Hoàn nguyên, bảo vệ môi trường

9.1. Công tác hoàn nguyên

- Bốc xúc, vận chuyển đất đá chèn lấp moong đảm bảo an toàn sau khi đã hoàn thiện phương án thu hồi than đáy moong Vỉa 14 theo Văn bản số 7396/BTNMT-ĐCKS ngày 06/12/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bám sát chỉ đạo các Tổ giúp việc triển khai thực hiện các hồ sơ, thủ tục liên quan đến đóng cửa mỏ lộ thiên Núi Béo đảm bảo tiến độ, chất lượng.

9.2. Bảo vệ môi trường

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường, tăng cường công tác phòng ngừa các sự cố môi trường.

- Tiếp tục làm tốt công tác môi trường khu dân cư khu vực giáp ranh, cải tạo môi trường nơi làm việc đảm bảo yêu cầu; phục hồi môi trường các khu vực đã kết thúc khai thác; tổ chức trồng phủ cây xanh tại các bãi thải đã ngừng hoạt động, trồng bổ sung cây xanh kết hợp với việc chăm sóc cây; duy trì tưới nước dập bụi trong ngày bằng hệ thống phun sương, xe trên các tuyến đường vận tải, khu vực chế biến và kho chứa than; quy hoạch, xử lý triệt để hệ thống thoát nước bề mặt; giám sát Công ty môi trường xử lý nước thải công nghiệp đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi thoát nước ra ngoài khai trường mỏ.

10. Tổ chức thực hiện

- Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty căn cứ vào phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc để triển khai thực hiện các giải pháp điều hành bằng các văn bản cụ thể, đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

- Các đơn vị, phòng ban trong Công ty tuyên truyền cho CBCNV hiểu rõ các mục tiêu, nhiệm vụ Tập đoàn và Công ty đề ra; chủ động xây dựng chương trình hành động, biện pháp quản lý điều hành cụ thể, nhằm tiết kiệm chi phí, tổ chức giao khoán chi phí đến từng thiết bị, tổ sản xuất và người lao động.

- Hàng quý, Công ty tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả triển khai thực hiện giải pháp điều hành. Bởi vậy, trong quá trình triển khai các đơn vị, phòng ban phải thường xuyên cập nhật, theo dõi báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất biện pháp giải quyết những vướng mắc với Công ty để chỉ đạo điều hành kịp thời.

Xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. ĐK (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Cty, KH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ỦY VIÊN HĐQT- GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO VINACOMIN

Ngô Thế Phiệt

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO-VINACOMIN

Số: 2782 /BC-VNBC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Về việc: Chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty

1. Tiền lương, thưởng thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2021:

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2021. Mức tiền lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS, BGĐ Công ty năm 2021 được chi trả như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức vụ	Nghị quyết Đại hội				Kết quả thực hiện				So sánh %
		Số người (BQ)	Tổng số	*Trong đó:*		Số người (BQ)	Tổng số	*Trong đó:*		
				Tiền lương	Thù lao			Tiền lương	Thù lao...	
1	**HĐQT**	**5,0**	**285,6**	**-**	**285,6**	**5,0**	**285,6**	**-**	**285,6**	**100**
-	Chủ tịch	1,0	64,8		64,8	1,0	64,8		64,8	100
-	Uỷ viên	4,0	220,8		220,8	4,0	220,8		220,8	100
2	**BKS**	**3,0**	**168,0**	**-**	**168,0**	**3,0**	**168,0**	**-**	**168,0**	**100**
-	Trưởng ban	1,0	57,6		57,6	1,0	57,6		57,6	100
-	Uỷ viên	2,0	110,4		110,4	2,0	110,4		110,4	100
3	**Ban GĐ**	**6,0**	**2.502,0**	**2.502**	**-**	**6,0**	**2.502,0**	**2.502**	**-**	**100**
-	Giám đốc	1,0	468,0	468		1,0	468,0	468	-	100
-	Phó Giám đốc	4,0	1.656,0	1.656		4,0	1.656,0	1.656	-	100
-	Kế toán trưởng	1,0	378,0	378		1,0	378,0	378	-	100
	Cộng	**14,0**	**2.955,6**	**2.502**	**453,6**	**14,0**	**2.955,6**	**2.502**	**453,6**	**100**

2. Đề xuất mức tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2022:

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Căn cứ Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2022, HĐQT Công ty đề nghị thực hiện: (i) Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối

của Nhà nước; (ii) Quy chế quản lý lao động, tiền lương của TKV; (iii) Công văn số 6050/TKV-KH ngày 27/12/2021 của TKV; (iv) Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/07/2019 của TKV; (v) Quyết định số 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021 của TKV; (vi) Quyết định số 8608/QĐ-VNBC ngày 24/11/2020 của HĐQT về việc: Ban hành Quy chế Quản lý Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty để xây dựng mức lương, mức thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ Công ty năm 2022 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Tr.đ)	*Trong đó:*		
				Lương	Thù lao	Phụ cấp
1	***Hội đồng Quản trị***	**5**	**506,4**	**-**	**230,4**	**276,0**
-	Chủ tịch HĐQT	1	64,8		64,8	
-	Ủy viên HĐQT	3	165,6		165,6	
-	Ủy viên HĐQT độc lập	1	276			276,0
2	***Ban Kiểm soát***	**3**	**168**	**-**	**168,0**	**-**
-	TB kiểm soát	1	57,6		57,6	
-	UV Ban kiểm soát	2	110,4		110,4	
3	***Ban Giám đốc***	**6**	**2.502**	**2.502**		
	Tổng số	**14**	**3.176,4**	**2.502**	**398,4**	**276,0**

- **Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng = Tiền lương, thù lao... năm /12 tháng;

- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO VINACOMIN

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHI ỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO-VINACOMIN

Số: 2783 /BC-VNBC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

Phần thứ nhất:
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2021	01/01/2021
A	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**270**	**3.471.005.390.217**	**3.561.310.752.074**
A1	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**	**815.981.128.455**	**880.480.017.947**
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**3.096.429.017**	**3.883.512.738**
1	Tiền	111	3.096.429.017	3.883.512.738
II	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**	**131.028.813.306**	**109.887.739.487**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	126.630.942.502	104.333.296.132
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.639.192.680
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	4.397.870.804	3.915.250.675
III	**Hàng tồn kho**	**140**	**618.481.855.414**	**733.228.281.359**
1	Hàng tồn kho	141	618.481.855.414	733.228.281.359
IV	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**	**63.374.030.718**	**33.480.484.363**
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	55.157.817.742	32.565.505.706
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		
3	Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	153	8.216.212.976	914.978.657

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2021	01/01/2021
A2	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**	**2.655.024.261.762**	**2.680.830.734.127**
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**	**81.143.231.632**	**78.346.511.535**
1	Phải thu dài hạn khác	216	81.143.231.632	78.346.511.535
II	**Tài sản cố định**	**220**	**2.343.757.150.008**	**1.827.137.756.664**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	2.341.483.346.914	1.824.800.385.550
-	*Nguyên giá*	*222*	4.759.415.351.697	3.769.007.422.382
-	*Giá trị hao mòn lũy kế (*)*	*223*	(2.417.932.004.783)	(1.944.207.036.832)
2	Tài sản cố định vô hình	227	2.273.803.094	2.337.371.114
-	*Nguyên giá*	*228*	3.575.334.150	3.575.334.150
-	*Giá trị hao mòn lũy kế (*)*	*229*	(1.301.531.056)	(1.237.963.036)
III	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**	**77.302.409.912**	**614.561.558.546**
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	77.302.409.912	614.561.558.546
IV	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		-
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-
2	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-
V	**Tài sản dài hạn khác**	**260**	**152.821.470.210**	**160.784.907.382**
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	152.821.470.210	160.784.907.382
B	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**440**	**3.471.005.390.217**	**3.561.310.752.074**
B1	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**	**2.991.234.854.962**	**3.087.242.878.382**
I	**Nợ ngắn hạn**	**310**	**1.578.470.865.031**	**1.380.675.041.689**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	387.675.443.271	349.095.655.182
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	596.427.582	667.482.016
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	60.689.970.894	42.617.180.405
4	Phải trả người lao động	314	73.270.004.763	55.635.063.111
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	84.377.599	36.819.088
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	21.283.307.756	22.878.873.600
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	998.388.967.765	869.393.223.785
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	36.482.365.401	40.350.744.502
II	**Nợ dài hạn**	**330**	1.412.763.989.931	**1.706.567.836.693**

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2021	01/01/2021
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.412.572.495.383	1.706.298.778.021
2	Dự phòng phải trả dài hạn	342	191.494.548	269.058.672
B2	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**479.770.535.255**	**474.067.873.692**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**479.755.450.077**	**474.052.788.514**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	369.991.240.000	369.991.240.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	(193.650.000)	(193.650.000)
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	64.878.002.360	57.556.360.624
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	44.985.966.680	46.604.946.853
5	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	93.891.037	93.891.037
II	**Nguồn kinh phí và các quỹ khác**	**430**	**15.085.178**	**15.085.178**
1	Nguồn kinh phí	431	15.085.178	15.085.178

Phần thứ hai:
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2021	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.666.962.267.768	2.193.683.712.722
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2.666.962.267.768	2.193.683.712.722
3	Giá vốn hàng bán	11	2.322.180.188.799	1.834.730.828.161
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	344.782.078.969	358.952.884.561
5	Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.252.033.284	2.328.706.969
6	Chi phí tài chính	22	173.607.313.710	189.663.011.931
7	Chi phí bán hàng	25	20.181.457.677	15.150.253.194
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	110.739.154.582	111.585.627.841
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	48.506.187.284	44.882.698.564
10	Thu nhập khác	31	3.844.820.584	9.734.823.316
11	Chi phí khác	32	3.110.914.902	8.012.575.027

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2021	Năm 2020
12	Lợi nhuận khác	40	733.905.682	1.722.248.289
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	49.240.092.966	46.604.946.853
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	44.985.966.680	46.604.946.853
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.216	1.260

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO VINACOMIN

Ngô Thế Phiệt

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2784/TTr-VNBC

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc: Phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ của Công ty; Điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh, lợi ích của cổ đông, người lao động trong Công ty, Hội đồng Quản trị đề xuất Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Tr.đ)
I	**Lợi nhuận trước thuế**	**49.240**
1	Trích nộp thuế TNDN	4.254
II	**Lợi nhuận sau thuế**	**44.986**
1	Chia cổ tức: 6% vốn điều lệ	22.199
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích khoản 1	22.787
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 15,2% lợi nhuận sau thuế (bằng 30% mức trích ở mục 2)	6.836
2.2	Quỹ thưởng Người quản lý Công ty (≤ 1,5 tháng lương thực hiện của Người quản lý Công ty năm 2021)	314
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (≤ 3 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2021)	15.637
-	*Quỹ khen thưởng (70%)*	*10.946*
-	*Quỹ phúc lợi (30%)*	*4.691*

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO VINACOMIN

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO-VINACOMIN

Số: 2785/TTr-VNBC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc: Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có người liên quan

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Khoản 3 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán";

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Hội đồng Quản trị xin trân trọng báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có người liên quan như sau:

1. Năm 2021

Thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh với TKV, Công ty ký các hợp đồng mua, bán than... với các Công ty kho vận, đơn vị trực thuộc TKV (TKV là cổ đông lớn sở hữu 65% vốn Điều lệ của Công ty). Trong năm, tổng giá trị giao dịch thực hiện là 2.930.068.025.110 đồng, trong đó:

- Công ty Tuyển Than Hòn Gai - Vinacomin: 2.777.369.588.982 đồng;
- Công ty Kho vận Cẩm Phả - Vinacomin: 117.216.1858.081 đồng;
- Công ty TNHH 1TV Môi trường – TKV: 30.464.355.298 đồng;

2. Năm 2022

- Ông Phạm Công Hương là người đại diện phần vốn của TKV, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Than Hà Lầm – Vinacomin, và là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin, Chủ tịch Công ty TNHH 1TV Môi trường – TKV.

- Trong năm, Công ty có hợp đồng, giao dịch với các doanh nghiệp và người có liên quan là thành viên HĐQT/ Chủ tịch HĐQT như sau:

STT	Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan	Địa chỉ, MST	Lĩnh vực giao kết	Giá trị ký hợp đồng, giao dịch
1	Tập đoàn Công nghiệp Than -	Số 226 Lê Duẩn Hà Nội	Mua bán than, vật	Hợp đồng mang tính nguyên tắc

	Khoáng sản Việt Nam. Các Công ty trực thuộc gồm: - Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin; - Công ty kho vận Cẩm Phả - Vinacomin; - Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV….	MST: 5700100256	tư, môi trường…	không có giá trị cụ thể. Đối với các hợp đồng có giá trị cụ thể, giá trị giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trên Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.
2	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh MST: 5700101877	Thuê thiết bị	Như mục số 1
3	Công ty Cổ phần Than Hà Lầm - Vinacomin	Phường Hà Lầm, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh MST: 5700101637	Thuê thiết bị, mua bán vật tư	Như mục số 1

- Về thời hạn thực hiện hợp đồng, giao dịch kể từ ngày 01/01/2022 đến khi có thay đổi khác.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và giao cho Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp có người liên quan theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO VINACOMIN

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO-VINACOMIN

Số: 2786/BC-VNBC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Hoạt động của HĐQT năm 2021, Phương hướng, nhiệm vụ HĐQT năm 2022

Thực hiện Quyết định số 3936/QĐ-BCN ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo đến nay Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin đã bước sang năm thứ 02 nhiệm kỳ IV hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Với mục tiêu "An toàn, phát triển, hiệu quả" vì sự phát triển lâu dài, bền vững của Công ty, vì quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tại Đại hội cổ đông thường niên lần này, Hội đồng Quản trị kiểm điểm tình hình hoạt động của HĐQT năm 2021 và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2022 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Trong năm 2021, nhiệm kỳ năm 2021-2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi tháng 01 lần, giải quyết tổng thể 80 đầu việc liên quan đến việc chỉ đạo quản lý điều hành SXKD. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

1. Về nhân sự và số phiên họp HĐQT

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên. Tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ (2021-2025), có 04 thành viên HĐQT được Đại hội tái bầu trở lại, 01 thành viên được Đại hội bầu mới là ông Đặng Văn Ngong giữ chức vụ UV HĐQT độc lập thay thế ông Lã Tuấn Quỳnh. Các quy định về ứng cử, đề cử, bầu HĐQT, tỷ lệ thành viên độc lập, thành viên không điều hành được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Trong năm, HĐQT Công ty tổ chức 20 cuộc họp, số lượng, tỷ lệ thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT	20	100	
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT	20	100	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
3	Trần Quốc Tuấn	Ủy viên HĐQT	20	100	
4	Trương Thúy Mai	Ủy viên HĐQT	20	100	
5	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	8	100	
6	Đặng Văn Ngong	Ủy viên HĐQT	12	100	

2. Về nội dung họp HĐQT

Hội đồng Quản trị được Đại hội giao quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Năm 2021, HĐQT đã tổ chức 20 phiên họp chủ yếu trong 06 lĩnh vực quản lý, điều hành sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Giám sát, quản lý điều hành SXKD…	20	
2	Đầu tư – Xây dựng, Dự án hầm lò	4	
3	Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ	15	
4	Lao động tiền lương, chế độ chính sách…	7	
5	Quản lý tài chính	2	
6	Ban hành các quy chế quản lý nội bộ	14	
7	Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông…	6	
8	Các nội dung khác	12	
	Cộng	**80**	

Chi tiết nội dung các cuộc họp HĐQT được Công ty nêu tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2021 và được công bố trên các phương tiện thông tin của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trang Web của Công ty.

3. Về thực hiện nhiệm vụ được giao

a) Nhiệm vụ SXKD:

Năm 2021 là năm thứ 05 liên tiếp, Công ty giảm sản lượng khai thác than lộ thiên, triển khai xây dựng dự án hầm lò mỏ than Núi Béo. Do đó, Công ty còn gặp khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, thời tiết không thuận lợi, thiết bị xe máy qua nhiều năm sử dụng đã quá cũ, nhà thầu thực hiện dự án hầm lò chưa có nhiều kinh nghiệm... song với sự năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành SXKD, với

truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách, hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2021, nhiệm kỳ năm 2021-2022 do Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCNLĐ ổn định, bảo tồn và phát triển nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10^3 m^3	1.200	580	716	60	123
-	Đất sản xuất	"	1.200	580	580	48	100
-	Đất đá xúc theo PA	"			137	-	-
2	Đào lò tổng số	Mét	12.800		13.314	104	-
-	Đào lò XDCB	"				-	-
-	Lò CBSX	"	12.800		13.314	104	-
3	Than NK sản xuất	10^3 Tấn	1.320	1.392	1.633	124	117
-	Than lộ thiên	"	220	292	292	133	100
-	Than hầm lò	"	1.100	1.100	1.149	104	104
-	Than thu hồi theo PA	"			192	-	-
4	Than sạch sàng tại mỏ	10^3 Tấn	1.473		1.675	114	-
-	Than sạch từ than NK	"	1.188		1.386	117	-
-	Than sạch từ SPNT	"	285		289	102	-
5	Than tiêu thụ	10^3 Tấn	1.473		1.703	116	-
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	561	749	661	117,8	88,2
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.288,2		2.679	117	-
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	25,425		49,24	194	-
9	Lao động định mức	Người	3.119		3.025	97	-
10	Tiền lương bình quân	10^3đ/ng.th	14.047		15.294	109	-
11	Cổ tức	%	3		6	200	-

Chi tiết đánh giá mọi hoạt động SXKD đề nghị Quý vị cổ đông xem tại Báo cáo kết quả SXKD năm 2021, mục tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2022 đăng tại trang Web của Công ty.

b) Nhiệm vụ giám sát:

Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty, bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng… thông qua việc giám sát chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông đề ra và có đánh giá, nhận xét như sau:

- Các cán bộ quản lý Công ty đều có trình độ năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực được phân công phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn;

- Các cán bộ quản lý Công ty không vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, triển khai kiểm soát tốt mọi hoạt động SXKD Công ty. Các văn bản quản lý nội bộ do Giám đốc Công ty ban hành không vượt quá thẩm quyền phù hợp với các chuẩn mực, quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài việc giám sát cán bộ quản lý nói trên, trong quá trình hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

* ***Tóm lại:*** Năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2022

Trên cơ sở kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể năm 2022 như sau:

A. Mục tiêu:

Mục tiêu chung của năm 2022 là tiếp tục duy trì sản xuất theo định hướng của Tập đoàn; sử dụng tối đa nguồn lực về tài nguyên, tiền vốn, thiết bị, lao động; đảm bảo an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh; tuân thủ pháp luật, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; tăng cường áp dụng công nghệ mới, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng; tiếp tục đổi mới từ nhận thức đến việc làm, lấy hiệu quả làm thước đo cho mọi hành động vì sự nghiệp phát triển bền vững.

B. Nhiệm vụ.

Trên cơ sở Điều lệ của Công ty, Nghị quyết phối hợp lãnh đạo, HĐQT Công ty đề ra nhiệm vụ cụ thể để thực hiện các mục tiêu chính trị, SXKD của Công ty trong năm 2022 như sau:

1. Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông, TKV giao; Hoàn thành, quyết toán Dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo để đưa công trình dự án vào khai thác sử dụng theo đúng kế hoạch.

2. Tiếp tục thực hiện đề án TCC đã được TKV và Đại hội đồng cổ đông thông qua; Sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án giảm biên chế lao động quản lý, phục vụ phù trợ theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

3. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí…

4. Tiếp tục triển khai và làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo của địa phương và Tập đoàn; Các đơn vị tăng cường tuyên truyền, phổ biến biện pháp phòng chống dịch cho người lao động hiểu rõ để cùng triển khai thực hiện.

5. Tăng cường tuần tra canh gác, bảo vệ an toàn tài sản, tài nguyên ranh giới mỏ, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành động khai thác, mua bán, vận chuyển than trái phép trên địa bàn; Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy chế phối hợp giữa Công ty với chính quyền địa phương trong công tác quản lý Nhà nước về phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh và quản lý, khai thác, vận chuyển, kinh doanh than trái phép trên địa bàn; Xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ ANTT các ngày Lễ, ngày kỷ niệm trong năm 2022.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác an toàn trong toàn Công ty nhằm giảm thiểu nguy cơ xảy ra mất an toàn lao động và sự cố thiết bị; Thực hiện tốt 05 nguyên tắc tự chủ an toàn; Nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác ra lệnh sản xuất và lệnh an toàn sản xuất đầu ca với nguyên tắc: "Chỉ ra lệnh sản xuất khi đã có đủ các điều kiện để đảm bảo an toàn" hoặc "Không đủ điều kiện an toàn thì không làm việc"; Triển khai tốt công tác huấn luyện kiến thức, kỹ năng về phát hiện, kiểm soát, phòng tránh rủi ro cho người lao động. Các đơn vị tăng cường tổ chức cho người lao động nhận dạng nguy cơ mất an toàn trong sản xuất và phổ biến cho người lao động kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.

7. Các đơn vị, phòng ban cần làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, tăng cường công tác nắm bắt tâm tư nguyện vọng, diễn biến tư tưởng của cán bộ, công nhân lao động từ đó có hướng giải quyết, phúc đáp kịp thời, làm cho công nhân lao động hiểu rõ và chia sẻ với những khó khăn của Công ty để tạo sự đồng thuận cao trong toàn bộ hệ thống, đoàn kết phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022.

III. ĐỀ NGHỊ CỦA HĐQT CÔNG TY

Để thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin như sau:

9.1. Tiếp tục thực hiện và quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo điều chỉnh và các dự án đầu tư xây dựng khác (bao gồm kể cả việc ký kết hợp đồng đầu tư và vay vốn tín dụng);

9.2. Thực hiện Đề án Tái cơ cấu Công ty theo định hướng của TKV; Được quyền thuê tài sản, thiết bị phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

9.3. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội thông qua để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2022; Bổ sung thêm ngành nghề đăng ký kinh doanh khi cần cho hoạt động SXKD của Công ty; Điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua một cách hợp lệ, báo cáo Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp gần nhất theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng nhiệm vụ của HĐQT năm 2022, HĐQT xin báo cáo Quý vị cổ đông.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO VINACOMIN

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO-VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2787/BC-VNBC

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ CỦA BKS VỀ KẾT QUẢ SXKD VÀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021; Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty, Ban Kiểm soát xin được báo cáo trước Quý vị cổ đông đánh giá kết quả SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2021 như sau:

- Ban Kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Ban Kiểm soát Công ty xét thấy phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán của Công ty Kiểm toán cũng như các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính Công ty áp dụng trong Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ quy định. Báo cáo tài chính đã kiểm toán phản ánh minh bạch, trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào thời điểm ngày 31/12/2021 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng luân chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Công tác hạch toán đảm bảo không có sai sót trọng yếu, thời gian lập và gửi báo cáo Tài chính các quý và năm kịp thời, đúng mẫu biểu quy định.

- Mở sổ và ghi chép số liệu kế toán rõ ràng, thống kê đầy đủ, lưu trữ chứng từ khoa học, đúng quy định. Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn qũy, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả, đối chiếu công nợ... theo đúng hướng dẫn của Tập đoàn.

- Ban Kiểm soát Công ty nhất trí với các số liệu Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty cũng như nhận xét của Kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán qua một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10^3 m^3	1.200	580	716	60	123
-	Đất sản xuất	"	1.200	580	580	48	100
-	Đất đá xúc theo PA	"			137	-	-
2	Đào lò tổng số	Mét	12.800		13.314	104	
-	Lò CBSX	"	12.800		13.314	104	-
3	Than NK sản xuất	10^3 Tấn	1.320	1.392	1.633	124	117

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
-	Than lộ thiên	"	220	292	292	133	100
-	Than hầm lò	"	1.100	1.100	1.149	104	104
-	Than thu hồi theo PA	"			192	-	-
4	Than sạch sàng tại mỏ	10^3 Tấn	1.473		1.675	114	-
-	Than sạch từ than NK	"	1.188		1.386	117	-
-	Than sạch từ SPNT	"	285		289	102	-
5	Than tiêu thụ	10^3 Tấn	1.473		1.703	116	-
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	561	749	661	117,8	88,2
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.288,2		2.679	117	-
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	25,425		49,24	194	-
9	Lao động định mức	Người	3.119		3.025	97	-
10	Tiền lương bình quân	10^3đ/ng.th	14.047		15.294	109	-
11	Cổ tức	%	3		6	200	-

2. Về cơ cấu tài chính:

- Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn = 86% (Năm 2020 là 87%);
- Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH = 6,16 lần (Năm 2020 là 6,43 lần).

3. Về khả năng thanh toán:

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời = 0,52 lần (Năm 2020 là 0,64 lần);
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh = 0,12 lần (Năm 2020 là 0,11 lần);

4. Về hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu đạt: 1,69 %;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt: 1,30%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH: 9,38%;

Qua các số liệu trên cho thấy năm 2021 hoạt động SXKD của Công ty chủ yếu là vốn vay: Nợ phải trả chiếm 86 % tổng nguồn vốn và gấp 6,16 lần vốn chủ sở hữu; Về cơ cấu vốn Công ty đã dành cho đầu tư dài hạn 76,49% và đầu tư ngắn hạn 23,51 %, khả năng thanh toán hiện thời giảm so với năm 2020, nhưng vẫn nằm trong giới hạn cho phép. Tài sản đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư (1 đồng tài sản bỏ ra đã thu về 0,0130 đồng lợi nhuận). Tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 9,4% vốn chủ sở hữu.

5. Đánh giá một số chỉ tiêu và hoạt động khác:

- Trong năm 2021 và những năm tới Công ty còn nhiều khó khăn thách thức: sản lượng khai thác than lộ thiên giảm lớn và kết thúc vào năm 2021; dự án khai thác than hầm lò tuy đã đi vào hoạt động nhưng chưa đạt công suất thiết kế, chi phí khấu hao, lãi vay trong giá thành giai đoạn từ năm 2020 ÷ 2023 tăng cao

dẫn đến việc cân đối tài chính các năm gặp nhiều khó khăn. Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty thực hiện trong năm 2021 thấp hơn so với kế hoạch đề ra, tuy nhiên vẫn cao hơn so với quy định, nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đang thực hiện dự án ĐTXDCB xuống sâu nên nhu cầu vốn lớn. Trong năm tới và những năm tiếp theo Công ty cần triển khai nhiều giải pháp điều hành giảm bớt dần các khó khăn trong việc cân đối tài chính của Công ty.

- Công ty đang trong giai đoạn cuối của quá trình đầu tư đối với dự án Hầm lò mỏ than Núi Béo chuẩn bị bước sang giai đoạn khai thác, nguồn vốn chủ sở hữu vẫn đang được bảo toàn. Lợi nhuận trước thuế tăng 23.840 triệu đồng so với lợi nhuận kế hoạch Đại hội giao. Quỹ đầu tư phát triển tăng 12,72% so với đầu năm và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản giữ nguyên so với số đầu năm.

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành: Trong năm 2021 Công ty đã thực hiện tốt các quy định pháp luật hiện hành trong sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Việc nộp các báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định đảm bảo kịp thời, đúng hạn. Việc công bố thông tin các báo cáo theo quy định đúng thời gian, không bị các cơ quan quản lý nhắc nhở về nộp các báo cáo và việc công bố thông tin chậm hoặc không đầy đủ nội dung.

- Năm 2021, Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin đã bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và theo Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến than giữa Công ty và TKV. Thu nhập và việc làm của người lao động ổn định thông qua thu nhập bình quân đạt 100% kế hoạch giao.

- Công tác Đầu tư XDCB dự án khai thác than hầm lò cơ bản hoàn thành.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên, môi trường và công tác quản trị chi phí.

- Công ty đã tập trung điều hành việc thực hiện đầu tư dự án Hầm lò mỏ than Núi Béo, đã khai thác sản lượng than hầm lò 1.149 nghìn tấn/1100 nghìn tấn kế hoạch giao. Đảm bảo ổn định sản xuất, công việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động khi thực hiện chuyển đổi công nghệ khai thác than.

- Ban lãnh đạo Công ty đã bám sát các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong công tác sản xuất kinh doanh.

* Đánh giá chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021: Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Kính trình các Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. ĐK (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO VINACOMIN

Vũ Thị Dung

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO-VINACOMIN

Số: 2788/BC-VNBC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 28/4/2021;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Kiểm soát Công ty xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động và thực hiện công tác giám sát quản lý Công ty của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2021 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty họp thường kỳ mỗi quý một lần và theo yêu cầu công việc; Tại các cuộc họp đều thảo luận đánh giá hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc Công ty và kết quả SXKD; thống nhất các nội dung kiểm soát hoạt động của Công ty và kiểm soát chuyên đề trong thời gian tiếp theo.

Ban hành và tổ chức thực hiện theo Kế hoạch kiểm soát năm 2021, một số việc cụ thể như: Đánh giá tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty; Kiểm soát, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty hàng quý, 6 tháng và năm; Kiểm soát tính tuân thủ, chấp hành pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của TKV, của Công ty và việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quản lý nội bộ; Giám sát một số lĩnh vực quản lý của Công ty như: công tác quản lý và sử dụng TSCĐ, sửa chữa TSCĐ, công tác quản lý vật tư, công tác thuê ngoài, quản lý sử dụng lao động, tiền lương, công tác quản lý đầu tư XDCB, quản lý đất đai, … ; Giám sát việc thực hiện một số gói thầu hoàn thành và đang thực hiện của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo, ...

Trong quá trình kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty trong năm, Ban Kiểm soát đã có các ý kiến đối HĐQT, Giám đốc Công ty và các phòng ban, bộ phận thực hiện và điều hành sản xuất kinh doanh về công tác thuê ngoài, công tác đầu tư, quản lý, mua sắm vật tư, sửa đổi, bổ sung các văn bản quản lý nội bộ và các mặt hoạt động khác thông qua các kỳ họp thường kỳ tại Công ty, thông qua các buổi làm việc và thông qua báo cáo thực hiện nhiệm vụ của BKS hằng quý và đã được HĐQT, Giám đốc Công ty tiếp nhận, bổ sung trong công tác quản lý của Công ty.

II. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Hình thức, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát.

1.1. Ban Kiểm soát Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của HĐQT Công ty thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Quy chế hoạt động của HĐQT; Các Nghị quyết, Quyết định do HĐQT Công ty ban hành.

1.2. Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác thông qua việc thực hiện hợp đồng giao nhận thầu khai thác, sàng tuyển, chế biến than giữa Giám đốc Công ty và Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; các Quyết định của Giám đốc trong các lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty.

1.3. Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, kiểm soát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm.

2. Kết quả giám sát:

2.1. Về hoạt động của HĐQT

Ban Kiểm soát đã xem xét báo cáo hoạt động năm 2021 của HĐQT và nhất trí với các nội dung của báo cáo này, kết hợp với việc giám sát của Ban kiểm soát, có một số đánh giá như sau:

- HĐQT Công ty đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT. Thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quy chế, Quyết định, Quy định và tổ chức kiểm tra việc thực hiện; Năm 2021, HĐQT đã ban hành 12 quy chế, đó là Quy chế kiểm toán nội bộ; Quy chế huy động vốn, sử dụng vốn, bảo lãnh và các sản phẩm dịch vụ tài chính; Quy chế giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của TKV tại Công ty; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định; Quy chế quản lý đất đai; Quy chế quản lý an toàn, vệ sinh lao động; Quy chế quản lý cán bộ trong Công ty; Quy chế quản lý Đầu tư Xây dựng; Quy chế Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động; Quy chế Khoán và Quản trị chi phí giá thành; Quy chế Quản lý Tài chính; Quy chế thực hiện dân chủ; Thực hiện kịp thời các quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ.

- Năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức họp 20 phiên giải quyết nhiều nội dung liên quan đến việc chỉ đạo điều hành SXKD, xây dựng dự án hầm lò mỏ than Núi Béo. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời;

- Quy hoạch cán bộ; Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ. Thực hiện tốt đề án tái cơ cấu, sắp xếp lại các đơn vị phòng ban theo hướng tinh giảm gọn nhẹ, gắn với việc dần dần dừng sản lượng khai thác than lộ thiên chuyển sang khai thác than hầm lò; Công ty đã kiện toàn lại mô hình tổ chức sản xuất các đơn vị phòng ban cho phù

hợp với phương án chuyển đổi mô hình khai thác, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chỉ đạo xử lý các vấn đề tồn đọng tại các dự án hầm lò mỏ than Núi Béo.

- Thông qua hoạt động của HĐQT và việc sửa đổi bổ sung các văn bản quản lý kịp thời đã giúp cho việc quản trị điều hành Công ty trong kỳ được linh hoạt, hiệu quả hơn. Các văn bản quản lý của HĐQT ban hành thuộc thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế SXKD của Công ty.

- HĐQT Công ty đã ban hành quyết định điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư và xây dựng cơ bản phù hợp với thông báo điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản của TKV.

- HĐQT đã tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất, nhất là công tác chuẩn bị và tổ chức sản xuất, công tác kiểm soát chi phí sản xuất nên đã tạo sự ổn định đồng bộ trong SXKD, phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Các uỷ viên HĐQT là những người có năng lực quản lý và có tư cách đạo đức tốt; Trong năm 2021, các thành viên đã làm việc mẫn cán, năng động, sáng tạo, có hiệu quả, thể hiện được tinh thần trách nhiệm đối với Công ty và đối với các cổ đông.

2.2. Về hoạt động quản lý điều hành của Giám đốc Công ty

Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động SXKD theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Kịp thời triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn TKV với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền;

- Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật;

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ, tuyển dụng lao động... được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch.

- Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng,... được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn;

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác ĐT-XDCB theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư đúng quy định;

- Chủ động điều hành hoạt động SXKD hằng ngày bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Tóm lại: Trong năm 2021, HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc quản lý, điều hành SXKD để Công ty đạt được sự tăng trưởng cao, tạo được sự ổn định cho năm 2021 và các năm tiếp theo.

Năm 2021, Ban Kiểm soát đã cố gắng để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ Công ty. Đạt được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của từng thành viên, Ban kiểm soát còn nhận được sự ủng hộ của HĐQT, Ban Giám đốc, sự phối hợp của các phòng ban trong Công ty và của các cổ đông. Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp đó, mong muốn trong năm 2022 và các năm tiếp theo của nhiệm kỳ Ban kiểm soát sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác hơn nữa để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình vì lợi ích của Công ty và quyền lợi của các cổ đông.

Nhân dịp tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, thay mặt các thành viên Ban Kiểm soát Công ty, Tôi xin chúc sức khoẻ các Quý cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. ĐK (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO VINACOMIN

Vũ Thị Dung

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO-VINACOMIN

Số: 2789 /TTr - VNBC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc: Lựa chọn danh sách Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát Công ty xin trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC 6 tháng đầu năm và cả năm 2022 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022.
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vị kiểm toán.

2. Đề xuất danh sách lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

2.1. Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC; Trụ sở chính: Số 01 - Lê Phụng Hiểu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.

2.2. Công ty TNHH PKF - Việt Nam; Trụ sở chính: Số 01- Nguyễn Huy Tưởng - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và đề nghị Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách đề xuất nêu trên, đảm bảo đúng theo quy định.

Xin trân trọng cám ơn./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN

Vũ Thị Dung